

Bản án số: 07/2019/HS – ST
Ngày: 22-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Thuận;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Võ Chí Tâm;

2/ Ông Nguyễn Thanh Thương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Duy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST –HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo: **TRẦN V** (tên gọi khác: Lưu C), sinh năm 1992 tại tỉnh Q;

Cư trú tại: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần A và bà Lê Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án: ngày 13/02/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 04/2014/HSST; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2018, bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Phạm Hùng C, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khối 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh N.

Nơi tạm trú: xóm N, thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Q.

+ Anh Phan Hưng Ng, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện Ph, tỉnh Q.

Nơi tạm trú: Xóm N, thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Q.

- + Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1997; (vắng mặt)
Trú tại: Xóm N, thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Anh Lê Ngọc A, sinh năm 1994; (vắng mặt)
Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã X, huyện Ph, tỉnh T.
Nơi tạm trú: Xóm T, thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Anh Huỳnh Trọng D, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- + Ông Trần A, sinh năm 1950; (có mặt)
Trú tại: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1991; (vắng mặt)
Trú tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Q.
- + Bà Lê Thị H, sinh năm 1951; (vắng mặt)
Trú tại: Khôi 2A, xã Kh, huyện Ph, tỉnh Q.
- + Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1990; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Tr, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Anh Châu Đình L, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Anh Đặng Văn Ph, sinh năm 1984; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Chị Tô Thị B, sinh năm 1991; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Bà Đặng Thị Minh H, sinh năm 1970; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- + Anh Nguyễn Nhật Th, sinh năm 1986; (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 8, phường C, thành phố Q, tỉnh Q.
- + Anh Đặng Quang Qu, sinh năm 1988; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần V (thường gọi là Lưu C), sinh năm 1992, ở tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Q. Do không có nghề nghiệp ổn định nên Trần V nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, Trần V mua dụng cụ về chế thành đoạn chữ T để thực hiện hành vi trộm cắp. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018, Trần V đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 10/ 4/2018, trên đường đi chơi về, Trần V thấy trong quán cà phê Không Tên của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956, ở thôn V, xã B, huyện B có 02 xe mô tô, loại xe Sirius để trong sân quán không có người trong coi, 01 chiếc biển số 73E1 - 150.XX của anh Phạm Hùng C, sinh năm 1981, ở thị trấn T, huyện T, tỉnh N và 01 chiếc biển kiểm soát 92P1 - 039.XX của anh Phan Hưng Ng, sinh năm 1993, ở xã T, huyện P, tỉnh Q nên Trần V về nhà của mình ở gần đó lấy đoạn chữ T rồi quay lại quán cà phê Không Tên dùng đoạn bẻ khóa lấy trộm một chiếc xe mô tô rồi điều khiển chạy về nhà cất giấu. Sau đó, Trần V tiếp tục đi bộ đến quán cà phê Không Tên và dùng đoạn chữ T bẻ khóa lấy chiếc xe thứ hai đem về nhà cất giấu. Để tránh bị phát hiện, Trần V sơn lại xe mô tô biển số 92P1 – 039.XX của Phan Hưng Ng thành màu hồng và sơn lại xe mô tô biển số 73E1 – 150.XX của Phạm Hùng C thành màu xanh đột chuột. Sau khi sơn lại xe, Trần V sử dụng một thời gian rồi bán chiếc xe mô tô 92P1 – 039.XX của Phan Hưng Ng cho Phạm Minh Đ, sinh năm 1990, ở thôn T, xã B, huyện B với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), quá trình sử dụng, Phạm Minh Đ làm rơi mất biển số xe. Do cần tiền nên Phạm Minh Đ hỏi mượn của Châu Đình L, sinh năm 1985, ở thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Q 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và để lại chiếc xe sirius mua của Trần V để làm tin.

Đối với xe mô tô biển số 73E1 – 150.XX, Trần V sử dụng 01 thời gian. Do cần tiền tiêu xài nên Trần V hỏi mượn Châu Đình L 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và để lại chiếc xe 73E1 – 150.XX để làm tin. Sau đó, Trần V lấy lại xe mô tô 73E1 – 150.XX bán lại cho Phạm Minh Đ với số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Phạm Minh Đ đưa trước 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), còn 5.000.000 đồng Phạm Minh Đ đưa sau để Trần V đi lấy giấy tờ đang cầm cố ở Q. Phạm Minh Đ sử dụng 01 thời gian thì làm rơi mất biển số, sau đó đem đến tiệm cầm đồ T của anh Đặng Văn Ph, sinh năm 1984, ở thôn T, xã B, huyện B cầm với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ hai xe mô tô nói trên.

Vụ thứ 2: Khoảng 22 giờ, ngày 17/6/2018, Trần V cầm theo đoạn chữ T đi bộ từ nhà đến xã Bình Đông tìm xe để trộm. Khi đi đến quán cà phê L của Nguyễn Tấn T, sinh năm 1989, ở thôn T, xã B, huyện B thì phát hiện có 01 chiếc xe mô tô loại sirius, màu trắng – xanh, biển kiểm soát 76C1 – 202.XX của anh Đỗ Văn M, sinh năm 1997, ở thôn V, xã B, huyện B đang dựng ở quán nên lên vào dùng đoạn bẻ khóa rồi điều khiển xe đem về nhà tháo biển số cất giấu, còn xe mô tô thì để sử dụng, sau đó Tô Thị B, sinh năm 1991, ở thôn H, xã B, huyện B (là chị em con nhà cô cậu ruột với Trần V) hỏi mượn nên Trần V cho Tô Thị B mượn để đi lại. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ xe mô tô nói trên.

Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 19/6/2018, Trần V cầm theo đoàn chữ T đi bộ từ theo các tuyến đường liên thôn ở xã B tìm xe để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1962, ở thôn H, xã B thì phát hiện xe mô tô loại Exciter màu trắng – xanh, biển kiểm soát 75C1 - 086.XX của anh Lê Ngọc A, sinh năm 1994, ở xã X, huyện P, tỉnh T đang dựng ở sân nên lên vào dùng đoàn chữ T bẻ khóa lấy trộm chiếc xe mô tô 75C1 - 086.XX đem về nhà rồi dùng decan dán lại thành màu cam, mở biển số 75C1 - 086.XX cất giấu tại nhà rồi lấy biển số xe 76C1 – 202.XX trộm tại quán cà phê L gắn vào sử dụng. Sau đó, Trần V cho Nguyễn Nhật Th, sinh năm 1986, ở tổ 8, phường C, thành phố Q là bạn quen biết khi cùng chấp hành án tại Trại giam K mượn sử dụng, đến ngày 03/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tạm giữ xe mô tô trên.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 28/6/2018, Trần V mượn xe mô tô biển kiểm soát 53X2 – 41XX của cha ruột là ông Trần A, sinh năm 1950, ở cùng thôn chở bạn gái là Phạm Trần Thị V, sinh năm 2002, ở tại phường A, thành phố T, tỉnh Q đi dạo chơi từ xã B đến xã B, huyện B. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn M, xã B, Trần V quan sát thấy chiếc xe mô tô, loại xe sirius màu đen, biển kiểm soát 56P2 – 63XX của anh Huỳnh Trọng D, sinh năm 1993, ở xóm M, thôn M, xã B dựng bên đường, ngay trước cổng quán Internet của anh Đặng Quang Q, sinh năm 1988 ở thôn M, xã B nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm chiếc xe này. Trần V chở Phạm Trần Thị V về lại nhà lấy đoàn rồi tiếp tục chở Phạm Trần Thị V đến khu vực thôn M, xã B. Khi đi gần đến quán Internet của anh Đặng Quang Q thì Trần V dừng xe lại và bảo Phạm Trần Thị V điều khiển xe mô tô 53X2 – 41XX về trước, còn Trần V vào nhà bạn chơi rồi về sau. Tin lời Trần V nên Phạm Trần Thị V điều khiển xe mô tô 53X2 – 41XX về nhà Trần V. Sau đó, Trần V đi bộ đến dùng đoàn hình chữ T bẻ, mở khóa lấy trộm xe mô tô 56P2 – 63XX đem về nhà, tháo biển kiểm soát, búng chắn gió, xé tem xe rồi cất giấu.

Ngày 29/6/2018, Cơ quan Công an phát hiện chiếc xe mô tô 56P2 – 63XX do Trần V trộm cắp đang cất giấu tại nhà nên tạm giữ, đồng thời ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần V về hành vi Trộm cắp tài sản. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tạm giữ các đồ vật gồm: 01 (một) xe mô tô, loại sirius màu đen, không có biển kiểm soát; 01 (một) biển số xe 56P2 – 63XX; 01 (một) biển số xe 75C – 086.XX; 01 (một) khóa hai đầu miệng, dài 13 cm; 01 (một) đoạn chữ T, chiều ngang 08 cm, chiều dài 10 cm; 01 (một) ống tròn kim loại dài 10,5 cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 14,5cm; 01 (một) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), dài 06 cm; 01 (một) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), dài 05 cm; 02 (hai) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), mỗi đoạn dài 08 cm; 02 (hai) túi nilong màu trắng, KT (6x3,7)cm, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng được khèn kín; 02 (hai) túi nilong màu trắng, KT (8,7x4,7)cm, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng được khèn kín; 01 (một) chai nước, trên miệng chai có gắn 01 (một) ống nhựa; 01 (một) máy lửa màu vàng.

Đối với 05 chiếc xe mô tô Trần V trộm cắp được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B định giá là 64.000.000đ (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 04/QĐ – VKS, ngày 20/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Trần Vĩ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q xác định Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Trần V về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Trần V với mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các xe mô tô do Trần V trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu, cụ thể:

- Chiếc xe sirius, biển số 73E1 -150.XX, thuộc sở hữu của anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1991, ở xã Q, huyện Q, tỉnh Q. Anh Đặng Văn Đ cho Phạm Hùng C mượn sử dụng. Khi thu giữ xe đã thay đổi màu sơn và bị mất biển số xe. Tuy nhiên, qua làm việc Đặng Văn Đ và Phạm Hùng C không yêu cầu Trần V phải bồi thường.

- Chiếc xe exciter, biển số 75C1 – 086.XX thuộc sở hữu của Lê Ngọc A. Khi thu giữ xe đã thay đổi màu sơn, qua làm việc Lê Ngọc A không yêu cầu Trần V bồi thường.

- Đối với chiếc xe sirius, biển số 92P1 – 039.XX thuộc sở hữu của anh Phan Hưng Ng. Xe này Phan Hưng Ng mua lại của bà Lê Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả chiếc xe nói trên cho Phan Hưng Ng.

- Đối với chiếc xe sirus màu đen, biển số 56P2 – 63XX, qua làm việc, Huỳnh Trọng D khai mua lại của bà Nguyễn Thị Bảo Th, ở đường B3, phường T, quận T, thành phố H nhưng không viết giấy và chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ủy thác điều tra cho Công an quận T để xác minh nguồn gốc chiếc xe mô tô trên nhưng chưa có kết quả, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với chiếc xe sirius màu trắng xanh, biển số 76C1 – 202XX thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Minh H (mẹ đẻ của Đỗ Văn M). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho bà Đặng Thị Minh H.

- Đối với khoản tiền Phạm Minh Đ nợ của Châu Đình L và Đặng Văn Ph. Qua làm việc, Châu Đình L và Đặng Văn Ph đều thống nhất tự thỏa thuận giải quyết với Phạm Minh Đ nên không đặt ra để giải quyết.

Xử lý vật chứng:

- 04 chiếc xe mô tô gồm: 73E1 - 150.XX, 75C1 – 086.XX, 92P1 – 039.XX, 76C1 – 202XX, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu.

- Xe mô tô 56P2 – 63XX, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ và xử lý sau.

- Đối với 02 biển số xe 73E1 -150.XX và 92P1 – 039.XX, quá trình sử dụng Phạm Minh Đ đã làm rơi nhưng không biết rơi ở đâu nên không có căn cứ truy tìm.

- Đối với các đồ vật tạm giữ khi khám xét, gồm:

+ 02 (hai) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), mỗi đoạn dài 08 cm; 01 (một) đoạn chữ T, chiều ngang 08 cm, chiều dài 10 cm; 01 khóa hai đầu miệng dài 13cm. Đây là công cụ mà Trần V dùng vào việc bẻ khóa xe để trộm cắp và dùng để tháo mở biển số xe nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy.

+ 01(một) ống tròn kim loại dài 10,5 cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 14,5cm; 01 (một) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), dài 06 cm; 01 (một) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), dài 05 cm là tài sản của Trần V. Số đồ vật này không liên quan đến việc trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại cho Trần V.

+ 02 (hai) túi nilong màu trắng, KT (6x3,7)cm, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng được khèn kín; 2 (hai) túi nilong màu trắng, KT (8,7x4,7)cm, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng được khèn kín. Qua giám định kết luận không phải là ma túy; 01 (một) chai nước, trên miệng chai có gắn 01 (một) ống nhựa; 01 (một) máy lửa màu vàng. Số đồ vật này không liên quan đến việc trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại cho Trần V.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa, tranh luận về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần V đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ, các tài liệu về hiện trường, định giá tài sản thiệt hại và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do không có nghề nghiệp ổn định và muốn có tiền tiêu xài nhưng không cần bỏ sức lao động nên Trần V nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2018 đến tháng 06/2018, Trần V đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể: Ngày 10/ 4/2018 Trần V trộm cắp 01 chiếc xe mô tô loại Sirius biển kiểm soát

73E1 - 150.XX của anh Phạm Hùng C, sinh năm 1981, ở thị trấn T, huyện T, tỉnh N và 01 chiếc xe mô tô loại Sirius biển kiểm soát 92P1 - 039.XX của anh Phan Hưng Ng, sinh năm 1993, ở xã T, huyện P, tỉnh Q; ngày 17/6/2018 trộm 01 chiếc xe mô tô loại Sirius, màu trắng – xanh, biển kiểm soát 76C1 – 202.XX của anh Đỗ Văn M, sinh năm 1997, ở thôn V, xã , huyện B, tỉnh Q; ngày 19/6/2018 trộm 01 chiếc xe mô tô loại Exciter màu trắng – xanh, biển kiểm soát 75C1 - 086.XX của anh Lê Ngọc A, sinh năm 1994, ở xã X, huyện P, tỉnh T; ngày 28/6/2018 trộm 01 chiếc xe mô tô, loại xe sirius màu đen, biển kiểm soát 56P2 – 63XX của anh Huỳnh Trọng D, sinh năm 1993, ở xóm M, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q. Đến ngày 29/6/2018 thì hành vi của bị cáo Trần V bị phát hiện và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B bắt giữ.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần V chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B, tỉnh Q kết luận là 64.000.000đ (*Sáu mươi bốn triệu đồng*), vì vậy hành vi của bị cáo Trần V đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Phạm Minh Đ khi mua lại 02 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 73E1 - 150.XX và 92P1 - 039.XX thì không biết các tài sản này do Trần V trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không khởi tố đối với Phạm Minh Đ là có cơ sở.

Đối với Châu Đình L khi cho Phạm Minh Đ và Trần V mượn tiền, Phạm Minh Đ và Trần V có để lại 02 chiếc xe mô tô 73E1 - 150.XX và 92P1 - 039.XX để làm tin nhưng Châu Đình L không biết 02 chiếc xe mô tô này do Trần V phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không khởi tố đối với Châu Đình L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Đặng Văn Ph khi nhận cầm cố xe 73E1 – 150.XX cho Phạm Minh Đ nhưng không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không khởi tố đối với Đặng Văn Ph nhưng có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đặng Văn Ph số tiền 3.500.000đồng vì nhận cầm cố xe không có giấy tờ là có cơ sở.

Đối với Tô Thị B có hành vi mượn xe mô tô 76C1 - 202.XX và Nguyễn Nhật Th mượn xe mô tô 75C1 - 086.XX để đi lại nhưng Tô Thị B và Nguyễn Nhật Th không biết đó là xe do Trần V trộm cắp được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không khởi tố đối với Tô Thị B và Nguyễn Nhật Th là có cơ sở.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 53X2 – 41XX của ông Trần A là cha ruột của bị cáo Trần V, khi cho bị cáo mượn xe ông Trần A không biết bị cáo sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không thu giữ xe là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01(một) ống tròn kim loại dài 10,5 cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 14,5cm; 01 (một) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), dài 06 cm; 01 (một) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), dài 05 cm; 02 (hai) túi

nilong màu trắng, KT (6x3,7)cm, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng được khèn kín; 2 (hai) túi nilong màu trắng, KT (8,7x4,7)cm, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng được khèn kín, qua giám định kết luận không phải là ma túy; 01 (một) chai nước, trên miệng chai có gắn 01 (một) ống nhựa; 01 (một) máy lửa màu vàng đều là tài sản của Trần V và không liên quan đến việc trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại cho bị cáo Trần V.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là “quyền sở hữu tài sản của công dân”. Vì thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân mà không cần bỏ sức lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định lén lút trộm cắp tài sản, trong một thời gian rất ngắn bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản liên tục (04 vụ, 05 phương tiện) trên nhiều địa phương khác nhau, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu về nhiều mặt đến đời sống xã hội và cuộc sống bình thường của người dân. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: ngày 13/02/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 04/2014/HSST, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, từ ngày 10/4/2018 đến ngày 28/6/2018 tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bản thân bị cáo đã bị Tòa án xét xử về lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lẽ ra bị cáo phải lấy việc phạm tội trước đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện để trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo lại tiếp tục xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (04 lần) nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phạm Hùng C đã nhận lại xe mô tô hiệu sirius, biển kiểm soát 73E1 – 150.XX; anh Lê Ngọc A đã nhận lại xe mô tô hiệu exciter, biển kiểm soát 75C1 – 086.XX; anh Phan Hưng Ng đã nhận lại xe mô tô hiệu sirius, biển kiểm soát 92P1 – 039.XX; anh Đỗ Văn M đã nhận lại xe mô tô hiệu sirius màu trắng xanh biển kiểm soát 76C1 – 202XX. Các anh Phạm Hùng C, Lê Ngọc A, Phan Hưng Ng, Đỗ Văn M không yêu cầu hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Đối với biển số xe 73E1 -150.XX của anh Phạm Hùng C và 92P1 – 039.XX của anh Phan Hưng Ng đã bị rơi không truy tìm được, các anh Phạm Hùng C và Phan Hưng Ng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu sirus màu đen, biển số 56P2 – 63XX của Huỳnh Trọng D khai mua lại của bà Nguyễn Thị Bảo Th, ở đường B3, phường T, quận T, thành phố H nhưng không lập hợp đồng về mua bán và chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Hiện xe này đang được tạm giữ tại Công an huyện B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ủy thác điều tra cho Công an quận T, thành phố H để xác minh nguồn gốc chiếc xe mô tô trên nhưng chưa có kết quả, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với số tiền 11.000.000đồng là tiền mà bị cáo V nhận của anh Đ khi bán xe mô tô biển kiểm soát 92P1 – 039.XX và xe mô tô biển kiểm soát 73E1 – 150.XX cho anh Đ, giữa Trần V và Phạm Minh Đ tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Đối với khoản tiền Phạm Minh Đ nợ khi mượn của Châu Đình L và nhận của Đặng Văn Ph khi cầm xe mô tô biển kiểm soát 73E1 – 150.XX, anh Châu Đình L và Đặng Văn Ph đề nghị được tự thỏa thuận giải quyết với Phạm Minh Đ và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: 02 (hai) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (đẹp), mỗi đoạn dài 08 cm; 01 (một) đoạn chữ T, chiều ngang 08 cm, chiều dài 10 cm; 01 khóa hai đầu miệng dài 13cm là công cụ dùng để phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần V phạm tội ***“Trộm cắp tài sản”***.

Xử phạt bị cáo Trần V **42 (bốn mươi hai) tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29/6/2018.

2. Về dân sự: Đối với số tiền Trần V nhận của Phạm Minh Đ khi bán xe cho Đ, giữa Trần V và Phạm Minh Đ tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Đối với xe mô tô hiệu sirus màu đen, biển số 56P2 – 63XX hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đang tạm giữ chưa trả lại cho bị hại anh Huỳnh Trọng D. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B tiếp tục xác minh khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) đoạn kim loại có một đầu nhọn, một đầu tà (dẹp), mỗi đoạn dài 08 cm; 01 (một) đoạn chữ T, chiều ngang 08 cm, chiều dài 10 cm; 01 khóa hai đầu miệng dài 13cm (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/01/2019 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần V phải nộp 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.;
- Đội CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CAH;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Văn Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Chí Tâm

Nguyễn Thanh Thương

Trịnh Văn Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Văn Thuận

Nơi nhận:

- TAND; Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Kiều Trung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; STP tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Toại

